

Bản án số: 25/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 23/5/2024

V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bá Đình Tâm

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Mai Thị Hồng N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận

**Bị đơn:** Anh Thường S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Mai Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Thường S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan Thanh.

Gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Cha mẹ anh S mất khi anh S còn nhỏ, cha mẹ chị hiện nay cũng đã mất hết.

Sau khi xác lập quan hệ thì vợ chồng sống ở nhà cha mẹ chị tại thôn Cảnh Diển, xã Phan Thanh.

Trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, xung đột xảy ra nguyên nhân anh S có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con làm ảnh hưởng đến con cái và tinh thần chị. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nhưng con cái còn nhỏ, chị cố gắng chịu đựng và mong muốn cho vợ chồng cơ hội để hàn gắn vì con cái.

Năm 2022 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn không ai nói chuyện với ai, tháng 10/2023 vợ chồng sống ly thân, chị ở nhà anh S đi thành phố làm và có quan hệ với người khác không về thăm con và vợ chồng chấm dứt quan hệ từ đó.

Nhận thấy mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được, không thể đoàn tụ. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thường S.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con: Thường D – sinh ngày 07/10/2009, Thường Mai L – sinh ngày 20/6/2012, Thường Mai U – sinh ngày 21/01/2015 và Thường Mai T – sinh ngày 20/8/2017. Hiện các con đang ở với mẹ, chị yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài Sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Thường S:* Anh Thường S không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 của BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, Điều 71 BLTTDS năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Mai Thị Hồng N được ly hôn đối với anh Thường S.

- Về con chung: Giao con chung tên Thường D – sinh ngày 07/10/2009, Thường Mai L – sinh ngày 20/6/2012, Thường Mai U – sinh ngày 21/01/2015 và Thường Mai T – sinh ngày 20/8/2017 cho chị Mai Thị Hồng N chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Anh Thường S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài Sn, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mai Thị Hồng N và anh Thường S có hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng N, HĐXX nhận thấy: Chị Mai Thị Hồng N và anh Thường S xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 01/03/2005 nên là hôn nhân hợp pháp, Chị N có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị N và anh S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, cuộc sống vợ chồng sống chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S có quan hệ với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con.

Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên anh S không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ anh S cũng không còn muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm, hôn nhân với chị N.

Theo quy định Luật HNGĐ vợ chồng thì phải biết thương yêu và quý trọng nhau, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay

cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, anh S không còn quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, từ tháng 10/2023 đến nay thì chị N và anh S đã không còn sống chung với nhau đến nay, không còn sẻ chia, lo lắng, quan tâm nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Có 04 con chung tên Thường D – sinh ngày 07/10/2009, Thường Mai L – sinh ngày 20/6/2012, Thường Mai U – sinh ngày 21/01/2015 và Thường Mai T – sinh ngày 20/8/2017, hiện đang sống với chị N và các con chung đều có nguyện vọng ở với chị N, đồng thời anh S cũng không nêu ý kiến gì về vấn đề con chung, do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện cho các con chung tiếp tục giao con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Thường S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài Sn và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Hồng N được ly hôn với anh Thường S.

Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Thường D – sinh ngày 07/10/2009, Thường Mai L – sinh ngày 20/6/2012, Thường Mai U – sinh ngày 21/01/2015 và Thường Mai T – sinh ngày 20/8/2017 đến khi trưởng thành, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn

nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài Sn và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị N đã nộp tại biên lai thu số 0008581, ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Mai Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phan Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thanh Nữ Kiều Oanh**